

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
1	131328359	Trần Thị Thanh Huyền	K13KCD2	8	8	6			7				6.9	7.0	Bảy	
2	132315615	Vương Thị Như Ánh	K13KKT1	7	2	6			7				4.5	5.0	Năm	
3	132315934	Nguyễn Hữu Tuấn	K13KKT1	6	1	0			7			V	V	Vắng		
4	131328222	Nguyễn Việt Cường	K14KCD1	7	6	7.5			6.6				3.5	5.0	Năm	
5	131328262	Lê Minh Dũng	K14KCD1	8	7	7.5			7				3.6	5.3	Năm phẩy Ba	
6	131328309	Nguyễn Thị Hiền	K14KCD1	9	9	7.5			6.8				5.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
7	131328454	Nguyễn Thị Thanh Nhân	K14KCD1	8	5	8			6				4.5	5.5	Năm phẩy Năm	
8	131328489	Đoàn Hương Sen	K14KCD1	9	9	7			7				7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
9	131328495	Lê Thị Ngọc Sương	K14KCD1	9	7	8.5			7				4.6	6.0	Sáu	
10	141133876	Nguyễn Trọng Hùng	K14KCD1	8	10	8			7.5				6.7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
11	141323263	Nguyễn Hải Đức	K14KCD1	7	7	7.5			6.8				3.9	5.3	Năm phẩy Ba	
12	141323269	Lê Thị Thúy An	K14KCD1	8	9	8			7				6.2	7.0	Bảy	
13	141323304	Lê Thị Diệp	K14KCD1	8	8	7			7.4				4.8	6.1	Sáu phẩy Một	
14	141323333	Nguyễn Thị Trà Giang	K14KCD1	8	7	8			5				4.0	5.3	Năm phẩy Ba	
15	141323336	Võ Thị Huỳnh Giang	K14KCD1	8	6	7			6				5.9	6.2	Sáu phẩy Hai	
16	141323344	Trần Thị Ngọc Hà	K14KCD1	9	10	8			8				6.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
17	141323352	Hán Thị Hải	K14KCD1	10	9	9			6.4				5.8	7.0	Bảy	
18	141323353	Nguyễn Minh Hải	K14KCD1	9	9	8			6.4				4.6	6.1	Sáu phẩy Một	
19	141323372	Ngô Thị Hiền	K14KCD1	8	7	8			7				3.7	5.4	Năm phẩy Bốn	
20	141323373	Nguyễn Minh Hiền	K14KCD1	5	5	10			7			V	V	Vắng		
21	141323382	Ngô Thanh Hùng	K14KCD1	9	10	8.5			7				5.8	7.0	Bảy	
22	141323383	Nguyễn Thị Thu Hiền	K14KCD1	9	8	8			7				5.6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
23	141323399	Hoàng Khánh Hồng	K14KCD1	8	9	8			8				6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
24	141323418	Nguyễn Thị Lan Hương	K14KCD1	8	9	8			7				4.7	6.1	Sáu phẩy Một	
25	141323541	Hoàng Thị Tôn Nhân	K14KCD1	10	9	9			8.2				6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
26	141323573	Nguyễn Thị Tiểu Phương	K14KCD1	9	10	8.5			7				5.4	6.8	Sáu phẩy Tám	
27	141323588	Nguyễn Nhật Phương	K14KCD1	8	9	8			7.6				4.7	6.2	Sáu phẩy Hai	
28	141323664	Nguyễn Thành Thơ	K14KCD1	10	10	8.5			7.6				6.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
29	141323683	Hoàng Thị Ngọc Thúy	K14KCD1	10	10	8.5			8.4				6.7	7.8	Bảy phẩy Tám	
30	141323703	Phạm Hồng Trương	K14KCD1	9	9	8.5			7.6				5.6	6.9	Sáu phẩy Chín	
31	141323709	Cao Thị Thu Trang	K14KCD1	8	9	8.5			7				7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
32	141323727	Trần Thị Thu Trang	K14KCD1	8	8	8			5				4.1	5.4	Năm phẩy Bốn	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
33	141323729	Võ Thùy Trang	K14KCD1	6	6	7.5			6			4.3	5.2	Năm phẩy Hai		
34	141323733	Nguyễn Thị Băng Trinh	K14KCD1	9	8	8			8.2			5.8	6.9	Sáu phẩy Chín		
35	141323772	Nguyễn Tuấn Vũ	K14KCD1	9	8	8			7.4			3.3	5.4	Năm phẩy Bốn		
36	141324759	Dương Thị Mỹ Hằng	K14KCD1	8	9	8			7.4			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín		
37	141324761	Nguyễn Thị Liên	K14KCD1	8	7	8.5			8.2			5.7	6.7	Sáu phẩy Bảy		
38	141324767	Phạm Thị Minh Trang	K14KCD1	8	9	7.5			7.4			6.8	7.3	Bảy phẩy Ba		
39	141324769	Lê Anh Tú	K14KCD1	9	8	8.5			8			7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu		
40	141324810	Võ Thị Thảo Cẩm	K14KCD1	8	10	8			7.4			4.6	6.2	Sáu phẩy Hai		
41	141324815	Phan Thị Phương	K14KCD1	8	9	7.5			7.8			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
42	141324816	Ngô Ngọc Hồ Thịnh	K14KCD1	9	10	8.5			7.2			5.4	6.8	Sáu phẩy Tám		
43	141324850	Nguyễn Thị Dừa	K14KCD1	9	10	8.5			6.8			6.2	7.2	Bảy phẩy Hai		
44	141324888	Nguyễn Thị Thu Hằng	K14KCD1	8	6	6			6			6.6	6.5	Sáu phẩy Năm		
45	141324891	Nguyễn Minh Nhật Tân	K14KCD1	7	7	7			5			5.5	5.9	Năm phẩy Chín		
46	141324908	Đoàn Thị Hằng	K14KCD1	9	9	8			5.2			4.8	6.0	Sáu		
47	141324930	Nguyễn Văn Đại	K14KCD1	7	6	8			5			5.0	5.6	Năm phẩy Sáu		
48	141324932	Nguyễn Bùi Lê Na	K14KCD1	8	9	8			6.6			6.1	6.8	Sáu phẩy Tám		
49	141324933	Võ Thị Thuởng	K14KCD1	8	8	7.5			6			6.4	6.8	Sáu phẩy Tám		
50	141444145	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	K14KCD1	8	10	9			5			6.3	6.9	Sáu phẩy Chín		
51	141134085	Trần Thị Thu Trang	K14KCD2	9	8	9			8.5			6.7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
52	141213245	Nguyễn Thị Diệu Trang	K14KCD2	10	8	9			6			5.3	6.5	Sáu phẩy Năm		
53	141323277	Thới Thị Vàng Anh	K14KCD2	10	8	9			4.5			5.3	6.3	Sáu phẩy Ba		
54	141323280	Nguyễn Thị Bình	K14KCD2	10	8	9			4			4.5	5.8	Năm phẩy Tám		
55	141323290	Trần Bá Chương	K14KCD2	9	10	10			4.5			3.6	5.6	Năm phẩy Sáu		
56	141323305	Trần Hà Diệp	K14KCD2	8	10	10			8			7.1	7.9	Bảy phẩy Chín		
57	141323314	Hồ Thị Thu Dung	K14KCD2	10	10	10			8			7.6	8.4	Tám phẩy Bốn		
58	141323328	Nguyễn Thị Duyên	K14KCD2	9	10	9			8.5			6.7	7.8	Bảy phẩy Tám		
59	141323340	Phan Thị Thanh Hương	K14KCD2	0	0	0			0			V	V	Vắng		
60	141323360	Vũ Thị Hằng	K14KCD2	9	10	10			8			6.9	7.9	Bảy phẩy Chín		
61	141323361	Hồ Hồng Hạnh	K14KCD2	10	10	9			6.5			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám		
62	141323367	Nguyễn Anh Hòa	K14KCD2	10	9	9			6.5			6.7	7.5	Bảy phẩy Năm		
63	141323392	Hà Thị Hòa	K14KCD2	9	10	9			7			6.9	7.6	Bảy phẩy Sáu		
64	141323401	Phan Thị Thúy Hồng	K14KCD2	8	8	9			6			4.3	5.8	Năm phẩy Tám		

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
65	141323410	Hoàng Vũ Hùng	K14KCD2	0	0	0			0			5.4	3.0	Ba		
66	141323433	Nguyễn Trang Nữ Huyền	K14KCD2	7	8	9			7.5			6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
67	141323434	Phạm Thị Thu Huyền	K14KCD2	9	9	9			5			5.4	6.4	Sáu phẩy Bốn		
68	141323447	Cao Thị Thuý Kiều	K14KCD2	10	9	9			6			6.3	7.2	Bảy phẩy Hai		
69	141323464	Trần Thị Kim Liên	K14KCD2	8	9	9			5.5			5.0	6.2	Sáu phẩy Hai		
70	141323468	Lương Thị Linh	K14KCD2	9	10	10			8			6.3	7.6	Bảy phẩy Sáu		
71	141323471	Phan Thị Nhật Linh	K14KCD2	10	10	10			5			6.2	7.2	Bảy phẩy Hai		
72	141323490	Lý Hương Mai	K14KCD2	10	9	9			8			7.0	7.9	Bảy phẩy Chín		
73	141323500	Lê Thị My	K14KCD2	0	0	0			0			V	V	Vắng		
74	141323514	Nguyễn Thị Nga	K14KCD2	10	10	9			7			6.7	7.6	Bảy phẩy Sáu		
75	141323519	Phạm Thị Ngà	K14KCD2	9	10	9			6.5			5.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
76	141323533	Ngô Văn Ngọc	K14KCD2	7	7	8			6.5			3.2	4.9	Bốn phẩy Chín		
77	141323539	Phạm Thị Thanh Nhàn	K14KCD2	6	7	9			7.5			5.2	6.2	Sáu phẩy Hai		
78	141323564	Trần Thị Hoàng Oanh	K14KCD2	9	9	9			5			5.4	6.4	Sáu phẩy Bốn		
79	141323578	Trần Ngọc Phúc	K14KCD2	9	10	10			7			7.6	8.1	Tám phẩy Một		
80	141323591	Nguyễn Thị Thu Phương	K14KCD2	7	9	9			7			6.5	7.1	Bảy phẩy Một		
81	141323599	Nguyễn Thị Yến Phương	K14KCD2	7	6	7.5			6			5.4	5.9	Năm phẩy Chín		
82	141323605	Đặng Thị Lê Quyên	K14KCD2	7	7	9			6.5			5.3	6.2	Sáu phẩy Hai		
83	141323607	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	K14KCD2	7	7	9			7.5			6.2	6.8	Sáu phẩy Tám		
84	141323614	Phan Thị Mỹ Sáng	K14KCD2	9	9	9			7			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
85	141323632	Tiêu Dũng Thái	K14KCD2	10	10	10			9			7.7	8.6	Tám phẩy Sáu		
86	141323642	Trịnh Thị Thanh Thảo	K14KCD2	10	10	10			7.5			7.1	8.0	Tám		
87	141323643	Đoàn Thanh Thà	K14KCD2	10	10	9			5			4.7	6.2	Sáu phẩy Hai		
88	141323652	Lê Thị Thanh Thảo	K14KCD2	7	7	9			5			5.0	5.8	Năm phẩy Tám		
89	141323660	Hoàng Thị Bích Thi	K14KCD2	0	0	0			0			V	V	Vắng		
90	141323667	Nguyễn Thị Thu	K14KCD2	9	9	9			5.5			5.9	6.8	Sáu phẩy Tám		
91	141323682	Đinh Thị Thúy	K14KCD2	10	10	9			7.5			7.5	8.2	Tám phẩy Hai		
92	141323691	Phạm Thị Ngọc Thủy	K14KCD2	9	10	9			6.5			6.7	7.5	Bảy phẩy Năm		
93	141323707	Lê Thị Thùy Trâm	K14KCD2	10	10	10			7			6.2	7.5	Bảy phẩy Năm		
94	141323716	Lê Thị Thùy Trang	K14KCD2	9	10	9			6			5.9	6.9	Sáu phẩy Chín		
95	141323734	Trần Thị Tú Trinh	K14KCD2	9	9	8			6			6.1	6.9	Sáu phẩy Chín		
96	141323760	Phạm Thị Vân	K14KCD2	8	8	7			7			6.9	7.1	Bảy phẩy Một		

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
97	141323778	Nguyễn Thị Vũ Yến	K14KCD2	10	10	7			8			7.1	7.8	Bảy phẩy Tám	
98	141323272	Hoàng Thị Kiều Anh	K14KCD3	10	10	9			6.5			6.6	7.5	Bảy phẩy Năm	
99	141323273	Nguyễn Thị Anh	K14KCD3	10	9	8			7			7.6	7.9	Bảy phẩy Chín	
100	141323286	Nguyễn Thị Phương Châu	K14KCD3	9	9	7			7			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
101	141323291	Lê Bá Công	K14KCD3	8	8	7			6			4.8	5.8	Năm phẩy Tám	
102	141323301	Nguyễn Thị Anh Đào	K14KCD3	9	9	8			7			5.7	6.8	Sáu phẩy Tám	
103	141323318	Phan Thị Hồng Dung	K14KCD3	8	8	9			7			6.0	6.9	Sáu phẩy Chín	
104	141323327	Đỗ Thị Duyên	K14KCD3	9	9	7			5			5.7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
105	141323354	Lê Thị Ngọc Hân	K14KCD3	9	9	7			6			7.2	7.4	Bảy phẩy Bốn	
106	141323362	Lê Thị Hồng Hạnh	K14KCD3	10	10	8			7			6.4	7.4	Bảy phẩy Bốn	
107	141323365	Phạm Thị Thùy Hạnh	K14KCD3	10	10	8			7			7.4	7.9	Bảy phẩy Chín	
108	141323370	Lê Thị Hiền	K14KCD3	9	9	7			5			3.8	5.3	Năm phẩy Ba	
109	141323375	Phan Thị Thu Hiền	K14KCD3	10	10	8			7			4.6	6.4	Sáu phẩy Bốn	
110	141323386	Nguyễn Việt Hòa	K14KCD3	9	9	8			7			5.6	6.7	Sáu phẩy Bảy	
111	141323394	Trần Thị Thanh Hòa	K14KCD3	10	9	8			7			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
112	141323404	Lê Thị Huệ	K14KCD3	10	9	7			5			5.1	6.2	Sáu phẩy Hai	
113	141323414	Hà Thị Thanh Hương	K14KCD3	10	9	8			8			6.7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
114	141323424	Lê Xuân Huy	K14KCD3	10	10	8			8			8.4	8.6	Tám phẩy Sáu	
115	141323448	Châu Thị Bích Kiều	K14KCD3	10	10	8			7			6.4	7.4	Bảy phẩy Bốn	
116	141323456	Liên Huệ Lành	K14KCD3	10	10	8			7			5.2	6.7	Sáu phẩy Bảy	
117	141323465	Trần Vũ Kim Liên	K14KCD3	10	9	7			8			5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
118	141323481	Phan Thiên Long	K14KCD3	7	7	7			6			5.1	5.8	Năm phẩy Tám	
119	141323488	Ngô Thị Lý	K14KCD3	9	8	8			8			7.9	8.0	Tám	
120	141323495	Nguyễn Thị Minh	K14KCD3	10	9	8			7			7.6	7.9	Bảy phẩy Chín	
121	141323501	Trần Thị Diễm My	K14KCD3	9	9	7			5			5.3	6.2	Sáu phẩy Hai	
122	141323516	Nguyễn Thị Ly Nga	K14KCD3	10	9	7			6			6.2	6.9	Sáu phẩy Chín	
123	141323518	Đỗ Thị Ngọc Ngà	K14KCD3	10	9	7			5			6.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
124	141323521	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K14KCD3	10	9	7			6			6.6	7.1	Bảy phẩy Một	
125	141323545	Lê Thị Ngọc Nhi	K14KCD3	9	9	7			7			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy	
126	141323552	Mai Thị Thùy Nhung	K14KCD3	10	10	8			7			6.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
127	141323566	Dương Thị Lan Phương	K14KCD3	8	9	8.5			6.5			6.7	7.2	Bảy phẩy Hai	
128	141323584	Lê Thị Lan Phương	K14KCD3	10	9	7			6			6.0	6.8	Sáu phẩy Tám	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
129	141323592	Phạm Hoài Phương	K14KCD3	9	9	8			7				7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
130	141323601	Trần Thị Xuân Quỳnh	K14KCD3	9	9	7			6				5.6	6.5	Sáu phẩy Năm	
131	141323609	Nguyễn Thị Thanh Sa	K14KCD3	8	8	9			6				51.6	31.8	Error phẩy Tám	
132	141323612	Bùi Tấn Sang	K14KCD3	10	10	8			7				5.6	6.9	Sáu phẩy Chín	
133	141323644	Trần Thị Thắm	K14KCD3	10	10	8			6				6.2	7.1	Bảy phẩy Một	
134	141323655	Nguyễn Thị Phương Thảo	K14KCD3	10	10	8			9				8.0	8.6	Tám phẩy Sáu	
135	141323661	Phan Thị Thiên	K14KCD3	10	9	8			7				6.3	7.2	Bảy phẩy Hai	
136	141323669	Trần Nguyễn Thu	K14KCD3	10	10	8			7				6.7	7.5	Bảy phẩy Năm	
137	141323686	Hồ Thị Xuân Thủy	K14KCD3	9	9	8			7				6.1	7.0	Bảy	
138	141323694	Võ Thị Thủy Tiên	K14KCD3	9	9	7			7				7.8	7.8	Bảy phẩy Tám	
139	141323704	Lê Thị Hương Trà	K14KCD3	9	10	9			7				6.1	7.2	Bảy phẩy Hai	
140	141323705	Cao Thị Ngọc Trâm	K14KCD3	6	6	5			6				5.4	5.6	Năm phẩy Sáu	
141	141323713	Hoàng Thị Thu Trang	K14KCD3	9	9	7			6				4.5	5.9	Năm phẩy Chín	
142	141323719	Nguyễn Nhật Trang	K14KCD3	10	10	6			4				4.9	5.9	Năm phẩy Chín	
143	141323724	Phạm Thị Trang	K14KCD3	10	10	8			7				8.1	8.3	Tám phẩy Ba	
144	141323750	Hứa Thị Thanh Tuyền	K14KCD3	9	9	8			8				6.9	7.6	Bảy phẩy Sáu	
145	141323752	Văn Thị Ánh Tuyết	K14KCD3	9	9	8.5			6.5				6.9	7.4	Bảy phẩy Bốn	
146	141323754	Thái Phạm Thảo Uyên	K14KCD3	6	6	0			5				5.5	5.0	Năm	
147	141323762	Nguyễn Long Vọng	K14KCD3	7	7	2			5				4.2	4.7	Bốn phẩy Bảy	
148	141133951	Nguyễn Tấn Lực	K14KCD4	1	1	0			7				5.0	4.0	Bốn	
149	141323275	Nguyễn Tuấn Anh	K14KCD4	9	9	4			7				5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
150	141323284	Trần Thị Cẩm	K14KCD4	9	9	5			7				5.2	6.2	Sáu phẩy Hai	
151	141323293	Dương Kim Cúc	K14KCD4	9	9	8			8				5.7	6.9	Sáu phẩy Chín	
152	141323295	Nguyễn Thị Cúc	K14KCD4	10	9	9			8.5				7.2	8.0	Tám	
153	141323302	Mai Tiến Đạt	K14KCD4	6	6	3			7				6.8	6.3	Sáu phẩy Ba	
154	141323313	Đĩnh Thị Dung	K14KCD4	10	10	5			6				4.4	5.8	Năm phẩy Tám	
155	141323315	Nguyễn Thị Thùy Dung	K14KCD4	10	7	10			6.9				6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
156	141323320	Võ Thị Thùy Dung	K14KCD4	7	7	6			7				2.9	4.6	Bốn phẩy Sáu	
157	141323334	Phạm Thị Hoàng Giang	K14KCD4	9	9	8			7				3.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
158	141323351	Nguyễn Thị Ngọc Hà	K14KCD4	9	9	8			7				5.8	6.8	Sáu phẩy Tám	
159	141323357	Nguyễn Thị Bích Hồng	K14KCD4	7	7	6			6				3.7	4.9	Bốn phẩy Chín	
160	141323363	Lê Văn Hạnh	K14KCD4	8	8	5			4				2.8	4.2	Bốn phẩy Hai	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP											ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	10			15			55				
161	141323371	Lê Thị Thu	Hiền	K14KCD4	10	10	6			7			4.6	6.2	Sáu phẩy Hai	
162	141323378	Phạm Thị	Hiếu	K14KCD4	9	9	8			7			3.7	5.7	Năm phẩy Bảy	
163	141323390	Nguyễn Thị Lê	Hoa	K14KCD4	6	6	9			7			7.2	7.1	Bảy phẩy Một	
164	141323398	Võ Thị Kim	Hoàng	K14KCD4	9	9	7			6			5.9	6.6	Sáu phẩy Sáu	
165	141323405	Nguyễn Thị Hồng	Huê	K14KCD4	7	7	5			6			4.8	5.4	Năm phẩy Bốn	
166	141323406	Võ Thị	Huê	K14KCD4	7	7	9			5			4.8	5.7	Năm phẩy Bảy	
167	141323416	Nguyễn Thanh	Hương	K14KCD4	9	9	7			7			4.6	6.1	Sáu phẩy Một	
168	141323429	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	K14KCD4	6	6	5			5			4.2	4.8	Bốn phẩy Tám	
169	141323449	Lê Thị Mỹ	Kiều	K14KCD4	7	6	8			6			6.4	6.5	Sáu phẩy Năm	
170	141323450	Phạm Thị	Kiều	K14KCD4	7	7	7			8			4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
171	141323458	Nguyễn Thị	Lê	K14KCD4	10	10	8			7			4.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
172	141323462	Hoàng Thị Kim	Liên	K14KCD4	9	10	8.5			7.6			6.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
173	141323467	Lê Bảo	Linh	K14KCD4	10	10	8			7			7.2	7.8	Bảy phẩy Tám	
174	141323484	Nguyễn Thị Trúc	Ly	K14KCD4	9	9	6			6			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
175	141323497	Hồ Thị	Mơ	K14KCD4	9	9	6			7			6.9	7.2	Bảy phẩy Hai	
176	141323506	Nguyễn Đình	Nam	K14KCD4	4	4	7			4			4.8	4.7	Bốn phẩy Bảy	
177	141323517	Phạm Thị	Nga	K14KCD4	10	10	7			9			4.3	6.4	Sáu phẩy Bốn	
178	141323529	Hà Đức	Nghĩa	K14KCD4	8	8	5			5			5.5	5.9	Năm phẩy Chín	
179	141323532	Lương Thị Hồng	Ngọc	K14KCD4	10	10	9			9			8.3	8.8	Tám phẩy Tám	
180	141323538	Nguyễn Thị	Nhàn	K14KCD4	7	7	7			7			5.9	6.4	Sáu phẩy Bốn	
181	141323546	Nguyễn Hương	Nhi	K14KCD4	0	0	0			0			V	V	Vắng	
182	141323556	Trương Thị Hồng	Nhung	K14KCD4	7	7	6			4			5.3	5.5	Năm phẩy Năm	
183	141323562	Lê Thị Ngọc	Oanh	K14KCD4	10	9	9			8.5			7.7	8.3	Tám phẩy Ba	
184	141323580	Cao Thị	Phương	K14KCD4	10	8	9			5			6.4	7.0	Bảy	
185	141323585	Ngô Thị	Phương	K14KCD4	10	10	8			9			6.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
186	141323594	Trương Thị Hoài	Phương	K14KCD4	7	6	7.5			7			5.1	5.9	Năm phẩy Chín	
187	141323598	Nguyễn Như	Phương	K14KCD4	0	0	0			0			V	V	Vắng	
188	141323602	Phan Thị	Quy	K14KCD4	10	10	7			7			6.9	7.5	Bảy phẩy Năm	
189	141323611	Nguyễn Thị	Sâm	K14KCD4	9	9	8			8			6.9	7.6	Bảy phẩy Sáu	
190	141323621	Ngô Thị Thanh	Tĩnh	K14KCD4	8	8	6			6			6.2	6.5	Sáu phẩy Năm	
191	141323627	Ngô Thị Thanh	Tâm	K14KCD4	10	8	9			8			6.4	7.4	Bảy phẩy Bốn	
192	141323638	Hoàng Thị	Thảo	K14KCD4	9	9	8			4			6.8	6.9	Sáu phẩy Chín	

Thời gian : -

Điểm thi kết thúc học phần của môn học này được đưa lên webstie để cho sinh viên xem, kiểm tra lại điểm quá trình và điểm thi, nếu có sai sót sinh viên đến Phòng Đào Tạo hoặc gửi email : khanhdtq@duytan.edu.com.vn để điều chỉnh.

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP										ĐIỂM TỔNG KẾT	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
				10	10	10			15			55			
193	141323675	Nguyễn Thị Thân Thương	K14KCD4	7	7	7			6			4.3	5.4	Năm phẩy Bốn	
194	141323700	Võ Nam Tôn	K14KCD4	6	6	3			5			3.4	4.1	Bốn phẩy Một	
195	141323706	Đỗ Thúc Cao Bảo Trâm	K14KCD4	9	9	7			4			4.1	5.4	Năm phẩy Bốn	
196	141323714	Lê Thị Minh Trang	K14KCD4	6	6	6			5			5.3	5.5	Năm phẩy Năm	
197	141323720	Nguyễn Thị Thu Trang	K14KCD4	10	10	6			5			4.7	5.9	Năm phẩy Chín	
198	141323722	Phạm Thị Hồng Trang	K14KCD4	8	8	7			5			4.9	5.7	Năm phẩy Bảy	
199	141323751	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	K14KCD4	10	10	6			5			6.3	6.8	Sáu phẩy Tám	
200	141323755	Nguyễn Thị Vân	K14KCD4	7	8	9			7			6.7	7.1	Bảy phẩy Một	
201	141323758	Nguyễn Thị Thuý Vân	K14KCD4	10	10	8			6			3.7	5.7	Năm phẩy Bảy	
202	141323766	Nguyễn Thị Viễn	K14KCD4	9	9	8			6			4.6	6.0	Sáu	
203	132320923	Lê Tự Minh Mẫn	T13KDN1	10	6	7			4.7			5.6	6.1	Sáu phẩy Một	